

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 26

**CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC**

Khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Long Beach LMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105897161 ngày 22 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 19 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Long Beach LMC có trụ sở chính tại: Căn B1.1C, tầng B1, T3 Brilliant, tòa Nhà Đào Kim Cương, số 1 Đường 104-btt, khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Phan Thị Tố Duyên	Chủ tịch HĐQT	
Bà Bùi Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Bình Phương	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Bình Phương	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/04/2025
Ông Lâm Minh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2025

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Huỳnh Minh Tân	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Tuấn Minh	Thành viên	
Bà Phan Thị Kim Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2025
Bà Phạm Thị Thanh Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2025

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Trần Văn Nhật	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026
Ông Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/01/2026 là ông Lê Quang Hiệu – Tổng giám đốc, từ ngày 09/01/2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Văn Nhật - Tổng Giám đốc.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Văn Nhật**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 2612/2025/BCTC/IAV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Long Beach LMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Công ty được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2024, Kiểm toán viên không thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của tiền mặt tại thời điểm kiểm toán.



**Dương Văn Thiệu**  
**Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5353-2025-283-1

**Nguyễn Phương Thúy**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.969.215.930</b>	<b>28.665.058.898</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>1.232.587.204</b>	<b>15.183.801.602</b>
1. Tiền	111		1.232.587.204	15.183.801.602
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>26.600.016.226</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	26.600.016.226	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.135.000.000</b>	<b>10.742.898.919</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.080.000.000	863.879.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	55.000.000	1.472.444.380
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	-	8.406.575.440
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	-	<b>2.513.053.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	2.687.235.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(174.182.184)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.612.500</b>	<b>225.304.586</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	1.612.500	17.112.395
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	208.192.191
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.406.054</b>	<b>2.408.899</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.406.054</b>	<b>2.408.899</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	20.406.054	2.408.899
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>28.989.621.984</b>	<b>28.667.467.797</b>
(270 = 100 + 200)				



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC

Khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.556.329.629</b>	<b>1.631.340.127</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.556.329.629</b>	<b>1.631.340.127</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	50.000.000	318.587.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	14.040.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.198.391.489	1.009.420.521
4. Phải trả người lao động	314		120.209.497	151.270.438
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	21.627.200	-
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		152.061.443	152.061.443
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>27.433.292.355</b>	<b>27.036.127.670</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.12</b>	<b>27.433.292.355</b>	<b>27.036.127.670</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		304.122.886	304.122.886
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.129.169.469	11.732.004.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.732.004.784	8.956.264.646
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		397.164.685	2.775.740.138
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>28.989.621.984</b>	<b>28.667.467.797</b>

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Thu HươngKế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thu HươngTổng Giám đốc  
Trần Văn Nhật  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	5.598.018.420	13.805.471.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>5.598.018.420</b>	<b>13.805.471.979</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.250.837.106	8.704.571.136
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.347.181.314</b>	<b>5.100.900.843</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	236.973	560.364.185
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	9.213.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.858.627.810	1.875.208.881
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>488.790.477</b>	<b>3.776.842.925</b>
11. Thu nhập khác	31	5.6	-	30.303
12. Chi phí khác	32	5.7	24.938.262	31.943.687
13. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(24.938.262)</b>	<b>(31.913.384)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>463.852.215</b>	<b>3.744.929.541</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	66.687.530	969.189.403
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>397.164.685</b>	<b>2.775.740.138</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	265	1.850
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	265	1.850

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương



Tổng Giám đốc

Trần Văn Nhật

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		463.852.215	3.744.929.541
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(236.973)	(559.528.766)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		289.433.058	3.359.582.959
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.416.091.110	3.782.882.338
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.687.235.975	(1.453.053.473)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(141.698.028)	(4.031.024.074)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.497.260)	20.971.288
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.800.016.226)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(882.994.147)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.551.451.371)	796.364.891
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.400.000.000	18.300.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.800.000.000)	(8.400.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		236.973	2.586.049.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.399.763.027)	12.486.049.315
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.951.214.398)	13.282.414.206
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.183.801.602	1.901.387.396
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.232.587.204	15.183.801.602

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc  
Trần Văn Nhật  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105897161 ngày 22 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 19 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom với mã cổ phiếu là LMC theo Quyết định số 775/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

Mã chứng khoán: LMC (Đăng ký giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom).

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 15.000.000.000 đồng, trong đó có 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 05 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 05 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại – dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

**1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp**

Công ty có một (01) chi nhánh hạch toán độc lập như sau:

Tên công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Long Beach LMC – Chi nhánh Phú Quốc (i)	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và vận tải	Tầng 1, tòa nhà Long Beach Centrer, số 124 Trần Hưng Đạo, khu phố 7, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang



(i) Chi nhánh đã ngừng hoạt động kể từ ngày 07/2024. Hiện tại, Chi nhánh đã làm thủ tục đóng mã số thuế chi nhánh.

**1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### 3.3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

### 3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.



**3.8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**3.9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**3.11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **3.13. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

#### **3.15. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	32.118.466	6.626.317.281
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.200.468.738	8.557.484.321
	<b>1.232.587.204</b>	<b>15.183.801.602</b>



4.2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành (ii)	9.770.587.827	-	-	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Ngôi Sao Biển (i)	16.800.000.000	-	-	-
Các cổ phiếu khác (ii)	29.428.399	-	-	-
	<b>26.600.016.226</b>	<b>-</b>	<b>9.883.231.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Du Lịch Ngôi Sao Biển không phải là công ty đại chúng và niêm yết nên Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13031.25/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty quyết định mua lại cổ phần phổ thông đang chào bán của Công ty Cổ phần Du lịch Ngôi Sao Biển của Cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phần chào bán là 368.000 Cổ phần. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 13031.25/SPA ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 13032.25/SPA ngày 13 tháng 3 năm 2025 với Cổ đông hiện hữu là ông Lê Ngọc Long và bà Bùi Thị Mỹ Cảnh với số tiền tương ứng là 10.000.000.000 VND và 6.800.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành hữu báo cáo, Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 243/SPA-LMC ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 223/SPA-LMC ngày 24 tháng 3 năm 2026 cho bà Huỳnh Thị Ánh Hồng và ông Nguyễn Thanh Bình với tổng giá trị chuyển nhượng là 17.136.000.000 VND và Công ty đã thu được số tiền chuyển nhượng này.

(ii) Công ty thực hiện tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng lợi nhuận tài chính ngắn hạn theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 3012.25/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của mã chứng khoán tại ngày 31/12/2025 cụ thể như sau:

Mã CK	Tên chứng khoán	Số lượng Cổ phiếu	Giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025	Giá trị hợp lý
VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	505.326	19.500	9.853.857.000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	300	26.400	7.920.000
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	300	25.300	7.590.000
MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	300	26.000	7.800.000
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	200	30.250	6.050.000
PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1	14.000	14.000
	<b>Cộng</b>			<b>9.883.231.000</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập xuất khẩu Tiến Thành	1.080.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	863.879.099
	<b>1.080.000.000</b>	<b>863.879.099</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ- Xây dựng Hải Đăng	-	416.197.344
Công ty CP Điện tử Điện lạnh Khánh Hưng	-	194.107.704
Công ty CP Ngọc trai Biển Phú Quốc	-	720.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	55.000.000	142.139.332
	<b>55.000.000</b>	<b>1.472.444.380</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.3)</b>	<b>-</b>	<b>720.000.000</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần LDR	-	-	8.400.000.000	-
Phải thu khác	-	-	6.575.440	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.406.575.440</b>	<b>-</b>

**4.6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	2.687.235.975	(174.182.184)
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.687.235.975</b>	<b>(174.182.184)</b>

**4.7. Chi phí trả trước**

**4.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.612.500	17.112.395
	<b>1.612.500</b>	<b>17.112.395</b>



4.7.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.993.558	2.408.899
Các khoản khác	2.412.496	-
	<b>20.406.054</b>	<b>2.408.899</b>

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Chứng Khoán MB	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Hòn Ngọc Đỏ	-	-	89.236.830	89.236.830
Các nhà cung cấp khác	-	-	179.350.895	179.350.895
	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>318.587.725</b>	<b>318.587.725</b>

4.9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Thanh	14.040.000	-
	<b>14.040.000</b>	<b>-</b>

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	8.468.550	-
Bảo hiểm y tế	1.494.450	-
Bảo hiểm thất nghiệp	664.200	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.000.000	-
	<b>21.627.200</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

**4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	135.592.039	341.841.927	456.056.289	-	21.377.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.035.876.933	-	66.687.530	-	969.189.403
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.922.517	48.724.782	56.793.858	-	18.853.441
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	<b>1.198.391.489</b>	<b>394.566.709</b>	<b>583.537.677</b>	-	<b>1.009.420.521</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	304.122.886	8.956.264.646	24.260.387.532
Tăng trong năm				
- Lợi nhuận trong năm	-	-	2.775.740.138	2.775.740.138
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	304.122.886	11.732.004.784	27.036.127.670
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	304.122.886	11.732.004.784	27.036.127.670
Tăng trong năm				
- Lợi nhuận trong năm	-	-	397.164.685	397.164.685
Giảm trong năm				
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	304.122.886	12.129.169.469	27.433.292.355

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Ngọc Long	-	0,00%	2.035.000.000	13,57%
Bà Bùi Thị Mỹ Cảnh	-	0,00%	1.700.000.000	11,33%
Bà Phan Thị Tố Duyên	1.095.000.000	7,30%	1.095.000.000	7,30%
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	1.095.000.000	7,30%	1.095.000.000	7,30%
Vốn góp của cổ đông khác	12.810.000.000	85,40%	9.075.000.000	60,50%
	15.000.000.000	100%	15.000.000.000	100%

4.12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000



4.12.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm <i>Cổ phiếu</i>	Số đầu năm <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.12.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	11.732.004.784	8.956.264.646
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	397.164.685	2.775.740.138
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>12.129.169.469</b>	<b>11.732.004.784</b>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.598.018.420	13.805.471.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.000.000.000	-
	<b>5.598.018.420</b>	<b>13.805.471.979</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (chi tiết Thuyết minh số 6.3)	<b>-</b>	<b>3.678.619.527</b>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	3.425.019.290	8.530.388.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(174.182.184)	174.182.184
	<b>3.250.837.106</b>	<b>8.704.571.136</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	236.973	560.364.185
	<b>236.973</b>	<b>560.364.185</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí tài chính khác	-	9.213.222
	<b>-</b>	<b>9.213.222</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.393.318.352	1.475.892.324
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.259.114	75.532.361
Thuế, phí và lệ phí	102.738.900	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.311.444	303.569.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	16.214.903
	<b>1.858.627.810</b>	<b>1.875.208.881</b>

**5.6. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Các khoản khác	-	30.303
	<b>-</b>	<b>30.303</b>

**5.7. Chi phí khác**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Các khoản phạt hành chính	18.075.578	31.943.687
Các khoản khác	6.862.684	-
	<b>24.938.262</b>	<b>31.943.687</b>

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty	66.687.530	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty	-	969.189.403
	<b>66.687.530</b>	<b>969.189.403</b>

**5.9. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên Cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	397.164.685	2.775.740.138
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	397.164.685	2.775.740.138
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>265</b>	<b>1.850</b>
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>265</b>	<b>1.850</b>

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**6.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

**6.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

**6.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Bà Phan Thị Tổ Duyên	Chủ tịch HĐQT
Bà Bùi Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bình Phương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bình Phương	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Thanh Sơn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025)
Ông Lâm Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Huỳnh Minh Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Minh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Kim Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025)
Bà Phạm Thị Thanh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025)
Ông Trần Văn Nhật	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 09/01/2026)
Ông Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2026)



**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát không nhận thù lao và lương thưởng.

Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>10.582.400</b>	<b>360.000.000</b>
Ông Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc	10.582.400	360.000.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>10.582.400</b>	<b>360.000.000</b>

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

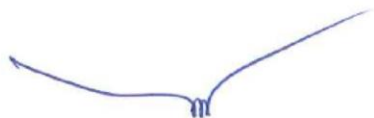
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**6.4. Thông tin về bộ phận**

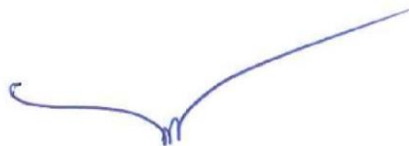
Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**6.5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISG.



**Người lập biểu**  
**Nguyễn Thị Thu Hương**



**Kế toán trưởng**  
**Nguyễn Thị Thu Hương**



**Tổng Giám đốc**  
**Trần Văn Nhật**  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

